

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2018/HS-ST.

Ngày 06/7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yên, ông Tường Duy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2018/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn K, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1986 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu S, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Tiểu khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nhân viên bảo hành; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Vì Thị V và có 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2018 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH sản xuất và thương mại T. Trụ sở: thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; tạm trú: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. (Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2018). Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Vì Thị V, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu S, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Tiểu khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đinh Văn D. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Quốc H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn K là nhân viên bảo hành của Công ty TNHH sản xuất và thương mại T, làm việc tại cửa hàng huyện Mộc Châu, địa chỉ tại tiểu khu 32, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Khoảng 07 giờ ngày 28/01/2018, K cùng các nhân viên khác chuyển hàng lên xe để anh Nguyễn Hồng Q và anh Hoàng Quốc H vận chuyển đến huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Sau đó, K cùng các nhân viên Nguyễn Thị Thuý L, Đào Thị P, Nguyễn Văn T, Đinh Công K và Đinh Văn D đi ăn sáng tại khu vực chợ trung tâm huyện Mộc Châu. Sau khi ăn sáng, chị L, chị P, anh T và anh K chưa về làm việc ngay nên anh T (người được giao quản lý nơi làm việc) đưa chìa khoá cho anh D để anh D và K về cửa hàng làm việc. Do anh D có việc chưa về ngay, nên anh D đưa lại chìa khoá cho K. K một mình về cửa hàng làm việc. Khi về đến cửa hàng, K mở khoá vào trong cửa hàng. K nảy sinh ý định mang chìa khoá đi đánh thêm 01 chìa khoá khác để khi có cơ hội sẽ trộm cắp tài sản. K đến quán của anh Lưu Văn H tại chợ thị trấn N đánh thêm 01 chìa khoá rồi về cửa hàng. Sau khi K về cửa hàng khoảng 10 phút thì các nhân viên khác trong công ty cũng đến làm việc. Khoảng 11 giờ cùng ngày, K một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát xxx đi đến huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La bảo hành cho khách hàng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bảo hành xong, K điều khiển xe máy đi về huyện Mộc Châu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Bùi Văn Quý (là nhân viên cùng công ty) gọi điện thoại với nội dung mời K đi ăn cơm tối cùng toàn bộ nhân viên ở quán “Gụi Quán” tại tiểu khu N, thị trấn N, K đồng ý. Trên đường về K nghĩ cửa hàng không có ai trông coi và đến ngày cuối tháng cửa hàng đã thu tiền của khách hàng về để trong két sắt. K nảy sinh ý định đục, phá két sắt tại cửa hàng để trộm cắp tiền.

K điều khiển xe máy đi về cửa hàng tại tiểu khu 32, thị trấn N, dùng chìa khoá đã đánh mở cửa nơi làm việc. K đi lấy 01 chiếc máy khoan điện (loại cầm tay, nhãn hiệu FEG, Model: EG517) ở trong kho, rồi đi ra xe máy của K, lấy một mũi khoan 10 trong túi dụng cụ K thường mang đi bảo hành cho khách. K vào trong phòng để két sắt của cửa hàng, cắm máy khoan vào ổ điện rồi khoan 03 lần. Lần thứ nhất vào chính giữa tâm ổ khoá két sắt, lần thứ hai vào trung tâm mã số két sắt, lần thứ ba khoan chéo từ trên xuống dưới vào trung tâm ổ khoá két sắt. K dùng tay vặn mở két sắt nhưng không được, quá trình vặn mở két sắt K làm mũi khoan bị gãy làm 02 đoạn. K lấy 01 tuốc nơ vít (ở xe máy của K) và 01 chiếc kìm (trong phòng làm việc của cửa hàng), tiếp tục vào phòng để két sắt, dùng kìm và tuốc nơ vít chọc vào khe hở của cánh cửa két sắt, cạy, bẩy nhiều lần thì mở được cửa két sắt. K thấy trong ngăn chính của két sắt có nhiều tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng được buộc thành 02 cục tiền, K lấy toàn bộ số tiền cho vào túi áo khoác đang

mặt trên người. Sau đó, K quan sát thấy trong két sắt có 02 chìa khoá nhỏ nên đã dùng để mở ngăn nhỏ phía trên két sắt, thấy có 01 tệp tiền loại 200.000 đồng được bọc bên ngoài bằng giấy trắng và buộc dây chun, K lấy toàn bộ số tiền cho tiếp vào trong túi áo khoác. Sau khi lấy toàn bộ số tiền trong két sắt, K cầm máy khoan, 02 đoạn mũi khoan bị gãy, 01 tuốc nơ vít, 01 chiếc kìm ra ngoài rồi để chiếc kìm và máy khoan lại vị trí ban đầu, cất tuốc nơ vít và 02 đoạn mũi khoan vào trong túi đựng đồ trên xe máy của K, khoá cửa nơi làm việc lại rồi điều khiển xe máy đi về nhà tại tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu. Trên đường về K đã vứt chiếc chìa khoá đã đánh xuống rãnh thoát nước thuộc địa phận tiểu khu 3, thị trấn M. Sau khi về nhà, K cho toàn bộ số tiền đã trộm cắp được vào trong cốp xe máy rồi bảo vợ là K phải tiếp tục đi sửa chữa cho khách hàng. Tiếp đó K điều khiển xe máy đi đến “Gụi Quán” thì không thấy mọi người trong công ty đâu. K gọi điện hỏi anh Q, rồi đến khu giải trí Pha Luông hát karaoke cùng mọi người đến khoảng 22 giờ cùng ngày. Khi về đến nhà, K lấy một bao tải dứa màu xanh cho số tiền đã trộm cắp được vào trong bao tải, K giữ lại 4.000.000 đồng được bọc bên ngoài bằng giấy trắng và 600.000 đồng. K đi ra sau nhà cất giấu bao tải đựng tiền vào bụi cỏ, rồi đi vào nhà. Khi vào nhà K lấy 500.000 đồng đưa cho vợ là Vĩ Thị V nói là tiền công đi sửa cho khách.

Sáng ngày 29/01/2018, chị V đưa lại số tiền 500.000 đồng cho K để K đi làm. K điều khiển xe máy đi đến cửa hàng và đi bộ dọc theo lối K đã trộm cắp để kiểm tra. K phát hiện 02 tệp tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng (Tổng cộng: 40.000.000 đồng) dưới nền bê tông. K nhặt và cất giấu vào trong tét nước Inox trong kho của cửa hàng, sau đó đi sang huyện P làm việc, trên đường đi K vứt 02 đoạn mũi khoan bị gãy trên đường.

Sáng ngày 29/01/2018, khi anh Nguyễn Văn T lấy tiền trong két sắt để chuyển về Công ty thì phát hiện bị mất trộm. Công ty TNHH sản xuất và thương mại T có đơn trình báo đến Công an huyện Mộc Châu về việc bị trộm cắp số tiền 432.725.000 đồng. Quá trình điều tra, Công ty TNHH sản xuất và thương mại T đã xác định lại số tiền bị trộm cắp là: 427.762.000 đồng.

Ngày 29/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án là cửa hàng của Công ty TNHH sản xuất thương mại T tại tiểu khu 32, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, tại ổ khoá và trung tâm mã số két sắt đã bị khoan thủng; 02 chiếc chìa khoá két sắt.

Ngày 29/01/2018, K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu triệu tập để lấy lời khai, nhưng K không khai báo về hành vi trộm cắp của bản thân. Đến khoảng 12 giờ ngày 31/01/2018, K được anh Nguyễn Hồng Q (là người phụ trách quản lý cửa hàng) động viên nên K đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. K, anh Q và anh H điều khiển xe máy đi về nhà K. K đi ra bụi cỏ sau nhà, lấy bao tải dứa màu xanh bên trong đựng tiền đã trộm cắp giao lại cho anh Q và anh H. Anh Q và anh H mang toàn bộ số tiền về cửa hàng, giao nộp toàn

bộ số tiền được kiểm đếm xác định là 383.162.000 đồng và 01 chiếc máy khoan, 01 chiếc kìm cho Cơ quan điều tra.

Ngày 31/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu khám nghiệm mở rộng hiện trường tại kho cửa hàng, phát hiện, thu giữ số tiền 40.000.000 đồng gồm 02 tập tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng trong két nước Inox do K đã cất giấu.

Sau khi đưa bao tiền cho anh Q và anh H, K điều khiển xe máy đến tỉnh Hưng Yên để bỏ trốn. Trên đường đi, K thay đổi ý định, đến trụ sở Công an huyện Mộc Châu làm việc theo giấy triệu tập. Quá trình làm việc K giao nộp số tiền 4.000.000 đồng. Đối với số tiền 600.000 đồng, K đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành xác định hiện trường nơi Phạm Văn K cất giấu số tiền 383.162.000 đồng là bụi cỏ cách mép phía sau nhà K 1,1m tại tiểu khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

Quá trình điều tra đã tạm giữ đối với Phạm Văn K: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát: xxx; 01 đăng ký xe máy biển kiểm soát xxx mang tên Phạm Văn K; 01 tuốc nơ vít. Kết quả điều tra xác định chiếc xe máy biển kiểm soát: 26G1 - 149.38 là tài sản chung của Phạm Văn K và vợ là chị Vì Thị V. Quá trình điều tra không truy tìm được 02 đoạn mũi khoan 10 bị gãy và 01 chiếc chìa khoá cửa hàng do K đánh thêm.

Ngày 12/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả số tiền 427.162.000 đồng cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T.

Ngày 23/3/2018, chị Vì Thị V (vợ của K) đã tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 103/CT-VKSMC ngày 18/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố Phạm Văn K về tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội trộm cắp tài sản và căn cứ pháp luật xử phạt đối với bị cáo như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 173; khoản 2, 3 Điều 35; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 11 năm đến 11 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 427.162.000 đồng.

Trả cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T: 01 máy khoan điện cầm tay nhãn hiệu FEG đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải dứa màu xanh đã qua sử dụng cũ, 02 chìa khóa kim loại ký hiệu KC, 01 chiếc kim, 01 tuốc nơ vít, 01 kết sắt tại ổ khóa đã bị khoan thủng.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với Phạm Văn K: 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26G1-149.38, kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe (là tài sản chung của K và chị V).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc chị Vì Thị V đã tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 600.000 đồng.

Do đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết bồi thường dân sự đối với chiếc kết sắt bị hỏng.

4. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc kết sắt bị hỏng; xin được trả lại 01 máy khoan điện cầm tay; không yêu cầu trả 02 chìa khóa kim loại, 01 tuốc nơ vít, 01 kim do không còn giá trị sử dụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vì Thị V trình bày chị tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 600.000 đồng thay cho bị cáo Phạm Văn K, chị không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn K khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Bị cáo khai nhận khi bị cáo phá được kết sắt, bị cáo thấy trong kết có rất nhiều tiền các loại mệnh giá, không rõ tổng số là bao nhiêu tiền nhưng bị cáo đã lấy toàn

bộ số tiền trong két sắt. Số tiền thực tế đã được bị cáo giao nộp lại cho anh Q là 383.162.000 đồng; bị cáo khai nhận giấu trong két nước tại cửa hàng và đã thu giữ được khi khám nghiệm hiện trường là 40.000.000 đồng; số tiền bị cáo giao nộp lại cho cơ quan điều tra khi đến làm việc theo giấy triệu tập là 4.000.000 đồng; số tiền bị cáo đã được vợ là chị Vì Thị V bồi thường thay cho Công ty là 600.000 đồng. Tổng cộng là 427.762.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì khác về việc xác định số tiền chiếm đoạt.

Xét lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các lời khai và tài liệu của đại diện bị hại; phù hợp với tổng số tiền đã thu được, trả lại; với các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội đã thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 28/01/2018, lợi dụng sơ hở của các nhân viên trong quản lý, bảo vệ tài sản, Phạm Văn K đã lén lút bí mật phá két sắt của Công ty TNHH sản xuất và thương mại T tại cửa hàng huyện Mộc Châu, địa chỉ tiểu khu 32, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, chiếm đoạt số tiền 427.762.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Hành vi trên của Phạm Văn K đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng", quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ mục đích vụ lợi vẫn thực hiện. Cần xử phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện giao nộp lại số tiền 383.162.000 đồng cho đại diện bị hại anh Nguyễn Hồng Q, nộp lại số tiền 4.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra, được vợ bị cáo là chị Vì Thị V tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 600.000 đồng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền). Xét thấy ngoài chiếc xe máy bị thu giữ là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo không có tài sản gì

khác. Do vậy cần áp dụng khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, quyết định mức phạt phù hợp với điều kiện tài sản của bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 427.162.000 đồng đã thu hồi được là tài sản của bị hại, để phục vụ hoạt động kinh doanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho bị hại, xét cần chấp nhận.

Đối với 01 máy khoan điện cầm tay nhãn hiệu FEG đã qua sử dụng cũ, bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội, xét là tài sản của bị hại, bị hại xin được trả lại, cần chấp nhận.

Đối với 01 bao tải dứa màu xanh đã qua sử dụng cũ, 02 chìa khóa kim loại ký hiệu KC, 01 chiếc kìm, 01 tuốc nơ vít, 01 kết sắt tại ổ khóa đã bị khoan thủng là các công cụ phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26G1-149.38, là tài sản chung của bị cáo K và chị Vì Thị V, chị V không biết việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét cần tạm giữ chiếc xe máy kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe để đảm bảo thi hành án đối với Phạm Văn K.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 3, Điều 13 Bộ luật Dân sự.

Chị Vì Thị V đã thay cho bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 600.000 đồng, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

Đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường đối với chiếc kết sắt bị hỏng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Thời hạn tạm giam bị cáo còn lại trên 45 ngày nên Hội đồng xét xử không ra quyết định tạm giam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 173; khoản 2, 3 Điều 35; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01/02/2018.

Phạt bổ sung đối với Phạm Văn K số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 427.162.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Trả cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T: 01 máy khoan điện cầm tay nhãn hiệu FEG, Model EG517, đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải dứa màu xanh đã qua sử dụng cũ, 02 chìa khóa kim loại ký hiệu KC, 01 chiếc kim băng kim loại, 01 tuốc nơ vít loại 2 đầu, 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp tại ổ khóa đã bị khoan thủng.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với Phạm Văn K: 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26G1-149.38, kèm theo 01 chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Văn K (là tài sản chung của Phạm Văn K và chị Vì Thị V).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 3, Điều 13 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc chị Vì Thị V đã tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh**